

Bản án số: 10/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 26/3/2021

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Long và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự Hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Phố Q, xã N, huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương;

3. Người làm chứng: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Phố Q, xã N Giáp, huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương;

(Bà L có mặt, ông T vắng mặt lần 2 không lý do, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Vũ Thị L trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1989, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới cả hai đều ăn ở chung cùng với bố mẹ ông T tại phố Q, xã N, huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương đến tháng 8 năm 2010 thì về quê bà để làm ăn, sau đó ông bà vi phạm pháp luật đều đi cải tạo tập trung, năm 2004 ông bà chấp hành xong án bà về quê của bà để sinh sống còn ông T về chung sống với bố mẹ ông T.

Trong quá trình chung sống với ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông T không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi bời, không tôn trọng bà mặc dù ông T muốn tiếp tục chung sống với bà nhưng bà xét thấy không thể chung sống được với ông T nên bà cũng không đồng ý để cho ông T sống chung với bà. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Hoàng Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 10-9-1989 và Hoàng Thế L, sinh ngày 14-11-1992; hiện nay các con của ông, bà đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc ông Hoàng Văn T là bị đơn trình bày: Cuối năm 1987 ông và bà Vũ Thị L có tìm hiểu nhau, sau một thời gian tìm hiểu ông và bà L có ĐKKH tại UBND xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào năm 1989, nhưng ĐKKH giữa ông và bà Lý bị mất nên không xuất trình cho Tòa án được. Sau ngày cưới ông bà ăn ở chung với bố mẹ ông cả hai đều lao động tự do. Do cả ông và bà vi phạm pháp luật và bị kết án ông phải chấp hành án phạt tù 7 năm còn bà Lý 5 năm tù. Sau khi ông và bà L chấp hành án xong, ông về địa phương còn bà L đã về nhà bố mẹ ở, ông sang tìm gọi bà L về để chung sống nhưng bà L không quay về chung sống. Nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố bà ông không phải là vợ chồng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Ông xác định ông và bà L có hai con chung như bà L trình bày là đúng, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông Hoàng Văn T và chị Vũ Thị L: Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2021, đại diện lãnh đạo xã N cùng các đoàn thể và lãnh đạo phố Q, xã N xác nhận: Ông Hoàng Văn T và chị Vũ Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới cả hai ăn ở chung cùng với bố mẹ ông T được 5 năm thì chuyển sang bên xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng để sinh sống. Quá trình làm ăn thì cả hai đều vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo tập trung. Sau khi chấp hành án xong bà L không về địa phương, còn ông T về chung sống với bố mẹ và làm nghề xe ôm ở phố Q, xã N.

Người làm chứng bà Hoàng Thị D là em gái của ông T trình bày: Ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 có được gia đình tổ chức đám cưới, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, ông T sống không có trách nhiệm tới gia đình, bà L đã về bố mẹ ở còn ông T vẫn sống chung với ông Hoàng Văn H.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến tham gia. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/3/2021, bị đơn là ông Hoàng Văn T đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Bà Lý yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận bà Vũ Thị L và ông Hoàng Văn T là vợ chồng; về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: bà L ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T trình bày có đăng ký kết hôn với bà Vũ Thị L vào năm 1989 nhưng không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn cũng như trích lục kết hôn. Bà L xác định bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lời trình bày của bà L phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương xác định tra cứu sổ gốc đăng ký kết hôn còn lưu trữ tại địa phương từ năm 1989 đến nay thì không tìm thấy công dân Vũ Thị L và Hoàng Văn T làm thủ tục đăng ký hôn tại UBND xã N, phù hợp với lời khai của bà Hoàng Thị D là em gái của ông T; nên HĐXX có đủ cơ sở xác định ông T, bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống

ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không có trách nhiệm thương yêu tôn trọng nhau, thực tế không còn chung sống với nhau từ năm 2005 cho tới nay. Xét thấy, ông T và bà L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của ông T và bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị L và ông Hoàng Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà L có hai con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 10-9-1989 và Hoàng Thế L, sinh ngày 14-11- 1992; hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L yêu cầu nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị L và ông Hoàng Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0009960 ngày 10-11-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú

